TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PH T
TỈNH GI L
Bản án số: 05/2021/DS-ST
Ngày: 31/5/2021
V/v:*"Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH T, TỈNH GI L

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Ruyệt.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Rmah Ét và ông Đỗ Xuân Ưa.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ph t, tỉnh Gi l ghi biên bản.

Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Ph t, tỉnh Gi l tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ph t, tỉnh Gi l, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2020/TLST - DSST ngày 30/12/2020; về việc "*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04a/2021/QĐST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2021; giữa:

Nguyên đơn: chị Ngô Thị Hồng H, sinh năm 1970;
Địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn Ph t, huyện Ph t, Gi l(có mặt)

Bị đơn: chị Trần Thị Hồng Th, sinh năm 1977;
Địa chỉ: Tổ dân phố 01, thị trấn Ph t, huyện Ph t, tỉnh Gi l (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/12/2020, bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Ngô Thị Hồng H trình bày:

Ngày 23/11/2010, tôi có cho chị Trần Thị Hồng Th, sinh năm 1977; trú tại tổ dân phố 01, thị trấn Ph t, huyện Ph t, tỉnh Gi l vay số tiền là 30.000.000đồng, chị Th có đưa cho tôi giữ giấy tờ nhà đất (gồm đơn xin sang nhượng đất thổ cư ngày 01/6/2004 có xác nhận của UBND thị trấn Ph t, huyện Ph t tỉnh Gi l; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/11/2004 có xác nhận của UBND xã H'Bông huyện Chư Sê, tỉnh Gi l). Khi vay hai bên thỏa thuận sau hai năm sẽ trả đầy đủ gốc lãi theo quy định, nhưng đến hẹn tôi đòi chị Th rất nhiều lần nhưng chị Th đều khất lần không chịu trả cho tôi như đã hứa hẹn; nên tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Trần Thị Hồng Th phải trả tôi số tiền gốc là 30.000.000đồng và tiền lãi suất 9%/năm, tính từ ngày 24/11/2012 đến tháng 31/5/2021; vậy yêu cầu Tòa án buộc chị Th phải trả tôi số tiền gốc và lãi theo đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định.

Đối với bị đơn chị Trần Thị Hồng Th trình bày: Quá trình Thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, tống đạt các văn bản tố tụng cho chị Th theo đúng quy định của pháp luật, điện thoại chị Th công nhận có nợ chị H số tiền gốc là 30.000.000đồng như chị H khai là hoàn toàn đúng, chị Th hứa hẹn lên Tòa án để hòa giải, nhưng chị Th không lên làm việc, không có mặt, không khai báo, nhiều lần đều đưa ra lý do công việc đột xuất của gia đình; chị Th có yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định. Vì vậy Tòa án phải đi xác minh và lập các thủ tục không tống đạt được, Niêm yết công khai các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải... Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, tại địa chỉ và nơi ở của chị Th; Uỷ ban nhân dân thị trấn và tại trụ sở Tòa án theo đúng quy định của pháp luật, nhưng chị Th vẫn không tham gia tố tụng, không hợp tác cùng Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi gì bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ph t, tỉnh Gi l phát biểu quan điểm về tố tụng và nội dung vụ án:

Căn cứ vào khoản 4 điều 27 Luật tổ chức Viện kiểm sát;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; 170; 195; 203; 205; 220; 227; 233; 235 và 262 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 280; 281; 282; 284; 357; 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào điểm b khoản 01 Điều 24; khoản 02 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, từ khâu thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận…và hòa giải, các bước tống đạt quy trình tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định, đúng thẩm quyền giải quyết, thời gian giải quyết vụ án đảm bảo, giải quyết theo yêu cầu nội dung khởi kiện; Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ trình tự các bước của phiên tòa dân sự sơ thẩm.

Về Nội dung quan hệ Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền là đúng, nguyên đơn yêu cầu đòi 30.000.000đồng và lãi suất 9%/năm và tính từ ngày 24/11/2012 là có cơ sở. Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất quá hạn, nên đại diện Viện kiểm sát chỉ tính lãi suất theo nội dung đơn khởi kiện về số tiền và thời gian yêu cầu cụ thể:

Tính từ ngày 24/11/2012 đến tháng 31/5/2021 là 08 năm 05 tháng 07 ngày (cụ thể 30.000.000đồng x 08 năm x 9%/năm = 21.600.000đồng; 30.000.000đồng x 05 tháng x 0.75%/tháng = 1.125.000đồng; 30.000.000đồng x 07ngày x 0.025%/ngày = 5.250đồng).

Tổng cộng 21.600.000đồng + 1.125.000đồng + 5.250đồng = 22.730.250đồng.

Về án phí: chị Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là: 52.730.250đồng x 5% = 2.636.500đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra

tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã tống đạt, niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn không đến làm việc, không hợp tác cùng Tòa án để ký nhận văn bản hòa giải hoặc bản khai khi Tòa án làm việc, không viết bản tự khai và cũng không có ý kiến phản hồi gì bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Tòa án phải đi xác minh và lập các thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, nên phải hoãn phiên tòa; mở phiên toà xét xử lần thứ hai theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*: chị Trần Thị Hồng Th có vay của chị Ngô Thị Hồng H số tiền là 30.000.000đồng là có thật, thời gian mượn là ngày 23/11/2010, các bên cam kết sau 02 năm sẽ th toán đầy đủ theo thỏa thuận, nhưng khi đến hẹn chi H đòi nhiều lần chị Th không trả, nên đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Th phải trả số tiền 30.000.000đồng và lãi suất theo quy định.

Xét giao dịch dân sự giữa chị H và chị Th được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện giữa các bên, về lãi suất vay các đương sự thỏa thuận đúng quy định của pháp luật; quá trình thụ lý giải quyết và tại phiên tòa chị H không yêu cầu giải quyết về lãi suất quá hạn, mà chỉ yêu cầu tính lãi suất theo quy định, nên giao dịch trên có hiệu lực pháp luật.

Trong nội dung giấy vay tiền hai bên không ghi cụ thể phần trăm tính lãi suất mà chỉ tự thỏa thuận với nhau và thời gian trả, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị H chỉ yêu cầu giải quyết về lãi suất theo quy định là 9%/năm. Hội đồng xét xử; xét tại phiên tòa bị đơn không tham gia tố tụng nhưng các bên tự nguyện thỏa thuận và yêu cầu của chị H là có cơ sở không trái đạo đức xã hội không trái pháp luật về thời gian và lãi suất vay; nên Hội đồng xét xử, xét có cơ sở để làm căn cứ tính lãi suất;

Cụ thể tính lãi từ ngày 24/11/2012 đến tháng 31/5/2021 là 08 năm 05 tháng 07 ngày (cụ thể 30.000.000đồng x 08 năm x 9%/năm = 21.600.000đồng; 30.000.000đồng x 05 tháng x 0.75%/tháng = 1.125.000đồng; 30.000.000đồng x 07ngày x 0.025%/ngày = 5.250đồng).

Tổng cộng 21.600.000đồng + 1.125.000đồng + 5.250đồng = 22.730.250đồng + 30.000.000đồng = 52.730.000đồng (*đã làm tròn số*).

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: chị Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là: 52.730.000đồng x 5% = 2.636.500đồng.

[4**]** Đối với 02 loại giấy tờ nhà đất chị Th đưa cho chị H nộp tại Tòa án (gồm đơn xin sang nhượng đất thổ cư ngày 01/6/2004 có xác nhận của UBND thị trấn Ph t, huyện Ph t tỉnh Gi l; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/11/2004 có xác nhận của UBND xã H'Bông huyện Chư Sê, tỉnh Gi l). Xét 02 loại giấy tờ trên không liên quan đến nội dung tranh chấp về việc Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền, nên trả lại chị Ngô Thị Hồng H; vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến trong phần quyết định của bản án.

Xét đề nghị của Đại diệnViện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; 170; 195; 203; 205; 220; 227; 233; 235 và 262 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 280; 281; 282; 284; 357; 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào điểm b khoản 01 Điều 24; khoản 02 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Hồng H.

Buộc: chị Trần Thị Hồng Th phải trả chị Ngô Thị Hồng H số tiền là 52.730.000đồng (*Năm mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi ngàn đồng*); "*Trong đó* ***30.000.000****đồng tiền gốc và 22.730.000đồng tiền lãi*".

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng người phải thi hành án (bên có nghĩa vụ) chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, được quy định theo Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Hồng Th phải nộp 2.636.500đ (*Hai triệu, sáu trăm ba mươi sáu ngàn năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả chị Ngô Thị Hồng H số tiền 750.000đồng (*Bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí trước đây, theo biên lai thu số 0007497 ngày 30/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ph t, tỉnh Gi l.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (31/5/2021) các đương sự có quyền kháng cáo bản án; riêng chị Trần Thị Hồng Th vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã phường nơi cư trú lên Tòa án nhân dân tỉnh Gi l để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh;
-VKSND.H Ph t;
-Chi cụcTHADS.H Ph t;
-Người tham gia tố tụng;
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Bùi Đức Ruyệt